

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày: 04-03-2025
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Vinh

2. Bà Đàm Thị Hồng Nhung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 3273/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T

Địa chỉ trụ sở chính: Số I, đường P, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L; địa chỉ: P, tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 01/7/2024).

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G, sinh năm 2001, địa chỉ: P, tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 17/01/2025). (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số F, đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai Nguyên đơn Công ty T do bà Nguyễn

Phước Quỳnh G là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10/10/2022, Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng số: 3753824 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Kim H với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Nguyễn Thị Kim H. Theo Hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 1.614.801 đồng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 10/11/2022 đến ngày 10/10/2025.

Kể từ ngày được giải ngân, bị đơn đã thanh toán 8.130.152 đồng (tiền gốc: 2.412.940 đồng, tiền lãi: 5.661.065 đồng và phí thu hộ 56.147 đồng). Sau đó từ ngày 17/03/2023, bà Nguyễn Thị Kim H đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân.

Công ty T đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị bà Nguyễn Thị Kim H thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty T cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho bà Nguyễn Thị Kim H biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Kim H vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng bị đơn vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 04/3/2025 là 60.651.248 đồng, trong đó nợ gốc còn lại chưa thanh toán 29.567.060 đồng; tiền lãi quá hạn chưa thanh toán 18.619.540 đồng; tiền lãi phạt 10.392.469 đồng; tiền lãi chậm trả 2.072.179 đồng.

Bị đơn phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 04/3/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay. Yêu cầu thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 13 tháng 12 năm 2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

Bà xác nhận có ký Hợp đồng tín dụng với Công ty T để vay số tiền 31.980.000 đồng. Bà xác nhận đã nhận đủ số tiền giải ngân theo hợp đồng đã ký, hàng tháng bà có nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.614.801 đồng trong thời gian 36 tháng.

Sau khi nhận tiền bà đã thanh toán đến hết tháng 3/2023, tuy nhiên sau đó do làm ăn buôn bán gặp khó khăn nên bà không có khả năng thanh toán tiếp cho công ty.

Nay công ty khởi kiện yêu cầu bà thanh toán số tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh thì bà đề nghị công ty cho bà thanh toán hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết khoản nợ vay, bắt đầu từ tháng 01/2025.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Phước Quỳnh G có

đơn xin xét xử vắng, có bản trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho nguyên đơn tổng số nợ còn thiếu của Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 04/3/2025 là 60.6511.248 đồng, trong đó nợ gốc 29.567.060 đồng, lãi trong hạn: 18.619.540 đồng, lãi quá hạn 10.392.469 đồng, lãi chậm trả 2.072.179 đồng. Và yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 05/3/2025 cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: bà xác nhận ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền như nguyên đơn đã yêu cầu. Hiện nay do làm ăn kinh tế khó khăn, bà đã lớn tuổi, không có khả năng thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ theo yêu cầu của nguyên đơn nên bà đề nghị nguyên đơn cho bà được trả góp mỗi tháng 1.500.000 đồng bắt đầu từ tháng 3/2025 cho đến khi hết số nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Công ty T (Việt Nam) có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H thanh toán số tiền gốc, lãi còn nợ của Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa hai bên. Do vậy xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim H có hộ khẩu thường trú tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét: Nguyên đơn là tổ chức tín dụng nên tổ chức và hoạt động theo Luật các Tổ chức tín dụng. Tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp hợp đồng tín dụng số HĐTD 3753824 ngày 10/12/2022 có chữ ký của các bên và cũng được bị đơn thừa nhận nguyên đơn khởi kiện là đúng.

[4] Xét: Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng được bị đơn xác nhận nên có đủ cơ sở xác định: Ngày 10/10/2022, nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng số 3753824 về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Kim H với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng; Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng, bị đơn xác nhận cũng đã nhận được đủ số tiền giải ngân từ nguyên đơn và bị đơn có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 1.614.801 đồng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 10/11/2022 đến ngày 10/10/2025; thực tế bị đơn đã thanh toán được số tiền 8.130.152 đồng và từ ngày 17/03/2023 đến nay bị đơn đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía nguyên đơn đã giải ngân.

Xét, việc bị đơn không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay là vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn nợ tính đến ngày xét xử (4/3/2025) 29.567.060 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét, tại Hợp đồng tín dụng số 3753824 ngày 10/10/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn, các bên có thỏa thuận về lãi suất vay (lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn xác nhận có vay vốn của nguyên đơn và hiện còn nợ nguyên đơn tiền nợ gốc, lãi đến ngày xét xử (4/3/2025) là 60.651.248 đồng, trong đó nợ gốc 29.567.060 đồng, lãi trong hạn 18.619.540 đồng, lãi quá hạn 10.392.469 đồng, lãi chậm trả 2.072.179 đồng. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền còn nợ là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về thời hạn thanh toán:

Bị đơn đề nghị nguyên đơn cho bị đơn thanh toán thành từng tháng, mỗi tháng thanh toán 1.500.000 đồng cho đến khi hết số nợ nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, từ tháng 3/2023 đến nay bị đơn không thanh toán nợ tiền gốc, lãi cho nguyên đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay khi đến hạn theo thỏa thuận tại Hợp

đồng tín dụng. Do đó đề nghị của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận, vì vậy để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn cần buộc bị đơn trả ngay một lần toàn bộ số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

[7] Từ những phân tích trên, cần tuyên theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ gốc 29.567.060 đồng và lãi quá hạn 29.628.144 đồng, lãi trong hạn 18.619.540 đồng, lãi quá hạn 10.392.469 đồng, lãi chậm trả 2.072.179 đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Luật thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam).

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trả cho Công ty T (Việt Nam) các khoản tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 3753824 mà hai bên đã ký kết là 60.651.248 đồng, trong đó nợ gốc 29.567.060 đồng, lãi trong hạn 18.619.540 đồng, lãi quá hạn 10.392.469 đồng, lãi chậm trả 2.072.179 đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Kim H còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 3.032.562 đồng, bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu.

Công ty T (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Công ty T (Việt Nam) 1.073.242 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0046320 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương